

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA
TRANG SEAFOODS – F17

CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHA TRANG
SEAFOODS
- F17

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS - F17
DN:
E=NHATRANGSEAFOODS@NHATR
ANGSEAFOODS.VN,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
4200567428, CN=CÔNG TY CỔ
PHẦN NHA TRANG SEAFOODS -
F17, L=KHÁNH HÒA, C=VN
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2022-04-05 15:54:58
Foxit Reader Version: 9.4.1

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 44

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 là Doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Chế biến thủy sản xuất khẩu Nha Trang thành Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 theo Quyết định số 1875/QĐ-UB ngày 20 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa.

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 4200567428 ngày 01 tháng 8 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp (sửa đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3703000107 lần đầu vào ngày 06 tháng 8 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Khánh Hòa cấp).

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Điện thoại : (0258) 3 831 043

Fax : (0258) 3 831 034

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy Chế biến Thủy sản F90	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F17	Số 58B đường 2/4, phường Vĩnh Hải, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà hàng Nha Trang Seafoods	Số 46 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Nhà máy Chế biến Thủy sản F394	Số 01 Phước Long, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
Cửa hàng Thủy sản Seafoods	Số 71 Phan Bội Châu, phường Xương Huân, thành phố Nha Trang, Việt Nam
Quán cà phê 31024	310 đường 2/4, phường Vĩnh Phước, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Bà Ngô Anh Phương Lan	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Ngô Văn Ích	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 06 năm 2021
Ông Ngô Tuấn Kiệt	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 06 năm 2021

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Bà Phạm Thị Ngọc Thảo	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Phi Thương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019
Ông Trần Đình Kháng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2019

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019
Ông Huỳnh Long Quân	Phó Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 02 tháng 5 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ích	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Đào Thị Minh Hương	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2021 và miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Ngô Văn Ích
Giám đốc

Ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đ
ÁNH
TÍNH
TỰ
C
IANG
KHÁ

Số: 3.0126/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Nha Trang****Phan Thị Ngọc Trâm – Phó Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0979-2018-008-1

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Thị Kim Hồng - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1513-2018-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		959.432.372.285	1.013.611.478.082
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	240.971.475.625	303.866.018.330
1. Tiền	111		138.921.475.625	139.768.518.330
2. Các khoản tương đương tiền	112		102.050.000.000	164.097.500.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		36.200.000.000	49.200.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	36.200.000.000	49.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		440.433.226.678	419.845.837.344
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	358.267.053.061	312.492.950.389
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32.339.138.953	47.616.096.219
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	51.743.954.903	61.653.710.975
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.916.920.239)	(1.916.920.239)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		204.004.003.924	182.884.344.716
1. Hàng tồn kho	141	V.7	204.004.003.924	182.884.344.716
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		37.823.666.058	57.815.277.692
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.821.867.465	15.122.139.980
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		34.548.628.815	42.521.606.802
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	1.453.169.778	171.530.910
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		765.855.729.928	893.507.166.307
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.730.852.003	11.221.544.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	10.730.852.003	11.221.544.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		284.078.082.829	288.120.090.569
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	270.544.732.289	274.045.522.529
- Nguyên giá	222		469.473.529.341	476.893.420.223
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(198.928.797.052)	(202.847.897.694)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	13.533.350.540	14.074.568.040
- Nguyên giá	228		15.786.524.338	16.307.741.838
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.253.173.798)	(2.233.173.798)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		158.674.978.077	275.881.777.185
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	158.674.978.077	275.881.777.185
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		265.693.772.527	281.184.134.720
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	258.693.772.527	280.184.134.720
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	7.000.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.678.044.492	37.099.619.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	46.674.673.883	36.298.330.870
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.12	3.370.609	801.288.960
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.725.288.102.213	1.907.118.644.389

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		957.364.962.038	1.007.709.446.053
I. Nợ ngắn hạn	310		933.364.962.038	1.006.209.446.053
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	159.498.644.601	140.318.841.882
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	656.297.435	379.895.851
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	22.453.481	5.085.930.596
4. Phải trả người lao động	314	V.16	23.031.319.999	26.385.605.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.548.539.295	6.804.900.035
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	7.077.818.394	22.520.380.672
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a,c	720.852.930.049	794.176.410.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	15.676.958.784	10.537.482.017
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		24.000.000.000	1.500.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	-	1.500.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b,c	24.000.000.000	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		767.923.140.175	899.409.198.336
I. Vốn chủ sở hữu	410		767.923.140.175	899.409.198.336
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	199.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.000.000.000	199.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	21.640.623.518	21.815.378.618
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	501.264.621.375	508.062.922.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		488.163.714.773	508.062.922.493
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		13.100.906.602	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.21	46.017.895.282	170.530.897.225
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.725.288.102.213	1.907.118.644.389

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập

Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.568.189.922.617	2.341.308.729.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	4.379.561.115	2.313.197.365
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.563.810.361.502	2.338.995.532.633
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.303.989.838.550	2.131.537.482.614
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		259.820.522.952	207.458.050.019
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	42.724.012.994	60.911.695.586
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	58.612.001.593	46.796.581.504
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.192.513.725	21.657.677.827
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	-	(24.416.108.584)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	121.174.910.742	88.635.137.410
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	68.510.549.293	55.055.999.807
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		54.247.074.318	53.465.918.300
12. Thu nhập khác	31	VI.8	361.721.870	589.845.900
13. Chi phí khác	32	VI.9	910.458.795	4.818.836.320
14. Lợi nhuận khác	40		(548.736.925)	(4.228.990.420)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		53.698.337.393	49.236.927.880
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	5.005.144.691	9.259.862.683
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	797.918.351	81.956.194
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		47.895.274.351	39.895.109.003
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		24.870.414.401	26.946.291.907
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		23.024.859.950	12.948.817.096
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	680	862
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	680	862

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2022



Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập

Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng

Ngô Văn Ích
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.698.337.393	49.236.927.880
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	43.035.200.766	34.750.849.770
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	(15.021.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	9.991.045.322	2.207.800.151
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4,5,8	5.100.176.859	(6.676.437.730)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	19.192.513.725	21.657.677.827
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		131.017.274.065	101.161.796.898
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(516.496.628.971)	(42.714.581.166)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(82.685.875.452)	48.048.566.086
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		59.522.974.845	25.889.140.862
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.483.747.676)	(5.908.979.710)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17, VI.5	(19.286.678.740)	(21.717.376.766)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(10.256.369.402)	(6.108.806.740)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(3.569.906.300)	(3.085.985.464)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(447.238.957.631)	95.563.774.000
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(104.814.651.596)	(313.593.340.007)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9; VI.8	81.818.182	849.999.999
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(7.000.000.000)	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		14.000.000.000	66.680.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(10.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	I.6, V.2b	93.027.629.490	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.4	2.859.309.680	52.037.232.908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.845.894.244)	(197.036.107.100)

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	28.000.000.000	96.500.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	2.589.776.899.070	2.127.839.989.082
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(2.196.836.401.824)	(1.977.199.016.323)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21; V.18a	(33.863.769.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		387.076.728.246	247.140.972.759
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(62.008.123.629)	145.668.639.659
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	303.866.018.330	158.278.729.933
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(886.419.076)	(81.351.262)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	240.971.475.625	303.866.018.330

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2022


Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng


Ngô Văn Ich
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17 (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Sản xuất - chế biến, kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là Đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Thoái đầu tư và mất quyền kiểm soát

Ngày 30 tháng 12 năm 2021 Tập đoàn đã chuyển nhượng 10.296.000 cổ phần, tương đương 33,43% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89. Do chỉ còn nắm giữ 18% quyền biểu quyết nên Tập đoàn không còn kiểm soát công ty này. Khoản đầu tư còn lại được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất tại khoản mục “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” theo giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của Công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

	Số tiền (VND)
Tài sản	858.070.282.344
Tiền	9.952.370.510
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	394.968.653.599
Trả trước cho người bán ngắn hạn	36.277.296.461
Phải thu ngắn hạn khác	577.454.999
Hàng tồn kho	61.566.216.244
Chi phí trả trước ngắn hạn	3.519.346.987
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	24.889.101.928
Tài sản cố định hữu hình	188.357.046.584
Tài sản cố định vô hình	494.217.500
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	37.472.547.341
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	95.107.700.000
Chi phí trả trước dài hạn	4.888.330.191
Nợ phải trả	499.798.752.261
Phải trả người bán ngắn hạn	16.602.834.056
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	11.562.151.153
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.531.559.442
Phải trả người lao động	6.868.371.374
Chi phí phải trả ngắn hạn	5.652.650.000
Phải trả ngắn hạn khác	1.041.852.259
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	451.812.753.857
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.726.580.119
Tài sản thuần	358.271.530.084
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	174.017.600.327
Tài sản thuần của Tập đoàn	184.253.929.757
Tỷ lệ vốn chuyển nhượng	33,43%
Tài sản thuần chuyển nhượng	119.770.172.507

Lỗ liên quan đến thoái vốn tại công ty con như sau:

	Số tiền (VND)
Giá chuyển nhượng	102.960.000.000
Giá trị còn lại của chênh lệch đánh giá lại tài sản	(119.770.172.507)
Lãi liên quan đến khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được phân loại từ vốn chủ sở hữu do mất quyền kiểm soát	9.153.580.556
(Lỗ) thoái vốn	(7.656.591.951)

Tiền thu thuần từ việc thoái vốn tại công ty con:

	Số tiền (VND)
Thu bằng tiền	102.960.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền tại công ty con tại ngày chuyển nhượng	(9.952.370.510)
Tiền thu thuần	93.007.629.490

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ góp vốn	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy sản NT	Khu Công nghiệp Cảng cá Tắc Cậu, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang	Đánh bắt thủy sản; Nuôi thủy sản; Chế biến	66,53%	66,53%
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89 (i)	Phường Hộ Phòng, Thị xã Giá Rai, Tỉnh Bạc Liêu	Khai thác, nuôi trồng thủy sản nội địa; Sản xuất giống thủy sản; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	18%	56,57%

Tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết tương ứng tỷ lệ góp vốn.

(i) Là công ty con cho đến ngày 30/12/2021 (xem thuyết minh số I.6a).

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 2.305 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 2.514 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn thoái vốn làm mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư thông thường: khoản đầu tư còn lại được trình bày theo giá trị ghi sổ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả của việc thoái vốn được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu, nếu tỷ lệ vốn góp thêm của các bên không tương ứng với tỷ lệ hiện hành thì phần chênh lệch giữa số vốn góp thêm của Tập đoàn và phần sở hữu tăng thêm trong tài sản thuần của công ty con được ghi nhận vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm và khác, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm

Chi phí đền bù đất mua vùng nuôi tôm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng đất (45 năm).

Chi phí đền bù khác

Chi phí đền bù giải tỏa mặt bằng khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (21 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	07 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao như sau:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (từ 45 năm đến 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.
- Nhận chuyển nhượng hợp pháp: quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

13. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

14. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được chia cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các qui định của pháp luật sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu

Doanh thu hoạt động dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu là phí ủy thác Tập đoàn đã được hưởng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh khoản hàng bán trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất : ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi tăng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.732.895.296	3.762.041.417
Tiền gửi ngân hàng	137.188.580.329	136.006.476.913
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 3 tháng trở xuống)	102.050.000.000	164.097.500.000
Cộng	240.971.475.625	303.866.018.330

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày kết thúc năm tài chính có giá trị 229.871.070.197 VND (số đầu năm là 186.039.697.903 VND) được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	36.200.000.000	36.200.000.000	49.200.000.000	49.200.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	36.200.000.000	36.200.000.000	49.200.000.000	49.200.000.000
Dài hạn	7.000.000.000	7.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
Trái phiếu	2.000.000.000	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	43.200.000.000	43.200.000.000	50.200.000.000	50.200.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Toàn bộ tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng được dùng để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF ⁽ⁱ⁾	157.749.943.186	-		157.749.943.186	-	
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89 ⁽ⁱⁱ⁾	64.483.757.251	-		-	-	
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.170.163.291	-		22.170.163.291	-	
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	13.984.598.799	-		99.938.718.243	-	
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(v)	285.310.000	-	810.277.800	285.310.000	-	825.814.100
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	20.000.000	-		20.000.000	-	
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394	-	-		20.000.000	-	
Cộng	258.693.772.527	-		280.184.134.720	-	

- (i) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 11.711.278 cổ phiếu, tương đương 18,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF.
- (ii) Đầu năm, Công ty sở hữu 15.840.000 cổ phiếu, tương đương 56,57% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.89. Trong năm, Công ty đã bán 10.296.000 cổ phiếu của Công ty này với giá bán là 102.960.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 5.440.000 cổ phiếu, tương đương 18% vốn điều lệ và phân loại khoản đầu tư này thành đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với giá trị sổ sách là 64.483.757.251 VND.
- (iii) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17 số tiền 22.170.163.291 VND, chiếm 5,16% vốn thực tế đã góp.
- (iv) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty sở hữu 4,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Green World Nha Trang.
- (v) Tại ngày kết thúc năm tài chính và tại ngày đầu năm, Công ty nắm giữ 23.902 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (CTG) với giá trị đầu tư là 285.310.000 VND.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh

Tập đoàn đã dùng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.19).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	26.693.633.475	5.892.386.913
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	17.150.772.946	5.457.039.321
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F.89	9.107.047.483	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	5.050.000	16.272.000
Công ty Cổ phần Onsen	390.335.864	392.844.600
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	23.836.364	9.000.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	16.590.818	17.230.992
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	331.573.419.586	306.600.563.476
Công ty NTSF Company, Inc	156.322.120.110	105.409.362.108
Công ty Seafood Connection B.V	29.504.567.956	66.650.643.045
Công ty Thalassa Seafoods NV	14.469.342.535	6.533.554.998
Công ty LP Foods Pte, Ltd	47.567.960.328	21.554.071.498
Các khách hàng khác	83.709.428.657	106.452.931.827
Cộng	358.267.053.061	312.492.950.389

Khoản phải thu khách hàng có giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính là 282.258.218.537 VND (số đầu năm là 284.313.659.349 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	11.566.111.153	1.869.816.500
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	11.562.151.153	-
Công ty Cổ phần Yến sào Nha Trang Khánh Hòa	3.960.000	-
Ông Ngô Văn Ích – Giám đốc	-	1.869.816.500
<i>Trả trước cho các nhà cung cấp khác</i>	20.773.027.800	45.746.279.719
Công ty TNHH Điện lạnh Miền Tây	8.797.898.503	6.608.318.385
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Xây dựng Quách Cường	-	5.650.000.000
Công ty TNHH Anh Phát	-	14.138.110.800
Các khách hàng khác	11.975.129.297	19.349.850.534
Cộng	32.339.138.953	47.616.096.219

5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	52.909.192	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	-	-	52.909.192	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	51.743.954.903	-	61.600.801.783	-
Tạm ứng	47.868.843.164	-	57.239.876.463	-
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	432.473.423	-	758.158.424	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế thu nhập cá nhân	600.911.804	-	680.522.942	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.840.726.512	-	2.921.243.954	-
Cộng	51.743.954.903	-	61.653.710.975	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các khoản ký cược, ký quỹ	10.730.852.003	-	11.221.544.003	-
- Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱ⁾	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	4.500.000.000	-	5.000.000.000	-
- Ban Quản lý khu kinh tế Vân Phong ⁽ⁱⁱ⁾	150.000.000	-	150.000.000	-
- Quỹ Đầu tư và Phát triển Khánh Hòa ⁽ⁱⁱⁱ⁾	80.852.003	-	71.544.003	-
Cộng	10.730.852.003	-	11.221.544.003	-

(i) Ký quỹ thực hiện dự án Trung tâm thương mại - Du lịch Nha Trang Seafood F17 tại số 777 Lê Hồng Phong, Phước Long, Nha Trang.

(ii) Ký quỹ thực hiện dự án “Vùng nuôi tôm thẻ chân trắng công nghệ cao”.

(iii) Ký quỹ về phí cải tạo phục hồi môi trường, dự án Mỏ nước khoáng Hòn Thơm tại xã Vĩnh Ngọc, Nha Trang.

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Aquatila						
- Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	1.789.517.009	-	Trên 3 năm	1.789.517.009	-
Trả trước người bán	Trên 3 năm	127.403.230	-	Trên 3 năm	127.403.230	-
Cộng		1.916.920.239	-		1.916.920.239	-

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.916.920.239	1.931.941.239
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(15.021.000)
Số cuối năm	1.916.920.239	1.916.920.239

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	24.494.313.428	-	14.149.961.666	-
Công cụ, dụng cụ	265.103.794	-	346.931.827	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.070.925.835	-	55.298.874	-
Thành phẩm	178.001.697.801	-	168.176.994.511	-
Hàng hóa	171.963.066	-	155.157.838	-
Cộng	204.004.003.924	-	182.884.344.716	-

Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp, cầm cố để bảo đảm các khoản vay tại các Ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	13.325.875.731	8.577.009.152
Công cụ, dụng cụ	165.785.702	165.271.389
Thành phẩm	124.693.111.899	82.676.098.707
Hàng hóa	171.963.066	155.157.838
Cộng	138.356.736.398	91.573.537.086

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.037.577.505	5.012.579.277
Chi phí bảo hiểm	665.552.461	909.685.035
Chi phí sửa chữa	118.737.499	8.802.093.832
Chi phí khác	-	397.781.836
Cộng	1.821.867.465	15.122.139.980

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền thuê đất	9.148.404.983	18.390.733.279
Chi phí mua vùng nuôi tôm	13.886.867.444	14.221.490.758
Chi phí công cụ dụng cụ	17.876.953.015	2.072.079.217
Chi phí đền bù	450.000.000	480.000.000
Chi phí sửa chữa	5.066.751.449	1.134.027.616
Chi phí khác	245.696.992	-
Cộng	46.674.673.883	36.298.330.870

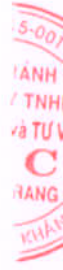
CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác
					Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	153.476.857.779	270.477.910.228	50.314.844.885	1.131.757.331	476.893.420.223
Mua trong năm	-	5.710.494.636	1.481.363.636	-	7.191.858.272
Đầu tư xây dựng hoàn thành	152.494.447.865	68.296.724.198	-	-	220.791.172.063
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.214.570.905)	-	-	(1.214.570.905)
Thoái vốn tại công ty con	(107.907.766.450)	(119.664.819.097)	(6.333.749.525)	(282.015.240)	(234.188.350.312)
Số cuối năm	198.063.539.194	223.605.739.060	45.462.458.996	849.742.091	469.473.529.341
Trong đó:					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	4.555.815.596	51.713.605.949	8.888.003.682	404.719.110	65.562.144.337
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	44.547.232.252	136.264.212.409	21.475.480.162	542.475.371	202.847.897.694
Khấu hao trong năm	10.740.031.414	27.452.967.292	4.582.723.521	142.818.996	43.067.746.222
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.155.543.136)	-	-	(1.155.543.136)
Thoái vốn tại công ty con	(9.009.721.776)	(34.936.685.314)	(1.764.492.523)	(120.404.115)	(45.831.303.728)
Số cuối năm	46.277.541.890	127.624.951.251	24.293.711.160	564.890.252	198.928.797.052
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	108.929.625.527	134.213.697.819	28.839.364.723	589.281.960	274.045.522.529
Số cuối năm	151.785.997.304	95.980.787.809	21.168.747.836	284.851.839	270.544.732.289
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 77.297.807.275 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.850.741.838	457.000.000	16.307.741.838
Thoái vốn tại công ty con	(476.217.500)	(45.000.000)	(521.217.500)
Số cuối năm	15.374.524.338	412.000.000	15.786.524.338
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	222.000.000	222.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.925.673.798	307.500.000	2.233.173.798
Khấu hao trong năm	-	47.000.000	47.000.000
Thoái vốn tại công ty con	-	(27.000.000)	(27.000.000)
Số cuối năm	1.925.673.798	327.500.000	2.253.173.798
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.925.068.040	149.500.000	14.074.568.040
Số cuối năm	13.448.850.540	84.500.000	13.533.350.540
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.448.850.540 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.19).

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển công cụ dụng cụ	Giảm do thoái vốn tại công ty con	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	7.191.858.272	(7.191.858.272)	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	275.881.777.185	151.150.782.362	(220.791.172.063)	(10.228.467.943)	(37.472.547.341)	158.540.372.200
- Nhà máy chế biến tôm	145.323.076.799	49.952.084.716	(155.188.979.774)	(3.044.026.400)	(37.472.547.341)	(430.392.000)
- Dự án Trung tâm thương mại - 777 Lê Hồng Phong	85.956.160.274	23.720.355.893	-	-	-	109.676.516.167
- Các dự án khác	44.602.540.112	77.478.341.753	(65.602.192.289)	(7.184.441.543)	-	49.294.248.033
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	134.605.877	-	-	-	134.605.877
Cộng	275.881.777.185	158.477.246.511	(227.983.030.335)	(10.228.467.943)	(37.472.547.341)	158.674.978.077

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến lãi nội bộ chưa thực hiện. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm nay
Số đầu năm	801.288.960	883.245.154
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(797.918.351)	(81.956.194)
Số cuối năm	3.370.609	801.288.960

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>127.117.373.373</i>	<i>111.969.472.086</i>
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	75.298.798.757	111.789.157.086
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89	51.818.574.616	-
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	-	176.000.000
Công ty Cổ phần Onsen	-	4.315.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>32.381.271.228</i>	<i>28.349.369.796</i>
DNTN Hoàn Thành Bạc Liêu	-	148.108.620
Các nhà cung cấp khác	32.381.271.228	28.201.261.176
Cộng	159.498.644.601	140.318.841.882

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Nowaco A/S	645.283.584	-
Công ty Ally Sphere Food Corp.	-	378.882.000
Các khách hàng khác	11.013.851	1.013.851
Cộng	656.297.435	379.895.851

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Giảm do thoái vốn tại công ty con	Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp		Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	717.349.287	(717.349.287)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.008.199.722	171.530.910	5.005.144.691	(10.256.369.402)	(1.038.613.879)	-	1.453.169.778
Thuế thu nhập cá nhân	70.831.834	-	2.734.424.440	(2.292.423.310)	(492.945.563)	19.887.401	-
Thuế tài nguyên	6.899.040	-	114.850.300	(119.183.260)	-	2.566.080	-
Thuế nhà đất	-	-	3.158.667.806	(3.158.667.806)	-	-	-
Tiền thuê đất	-	-	24.120.426	(24.120.426)	-	-	-
Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	-	-	81.304.000	(81.304.000)	-	-	-
Lệ phí môn bài	-	-	26.000.000	(26.000.000)	-	-	-
Cộng	5.085.930.596	171.530.910	11.861.860.950	(16.675.417.491)	(1.531.559.442)	22.453.481	1.453.169.778



CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Thủy, hải sản xuất khẩu	0%
Thủy, hải sản bán cho doanh nghiệp ở khâu thương mại	Không kê khai, không nộp thuế
Thủy, hải sản bán nội địa (tùy từng mặt hàng)	5%, 10%
Cho thuê kho, bán vật tư, dịch vụ khác ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods – F17

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 11 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 Bổ sung Khoản 3a Điều 19 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, các Công ty áp dụng thuế suất 15% đối với thu nhập của doanh nghiệp từ trồng trọt, chăn nuôi, chế biến trong lĩnh vực nông nghiệp và thủy sản ở địa bàn không thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F89

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Thủy sản NT

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 56111000284 do Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15 tháng 8 năm 2008, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế được áp dụng trong 15 năm. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.

Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty đi vào hoạt động kinh doanh và có thu nhập chịu thuế. Năm 2021 là năm thứ 14 Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất.

Ngoài ra, Công ty còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ chế biến thủy sản ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo qui định tại Khoản 1 Điều 6 thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 đối, bổ sung một số nội dung tại điều 8 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho việc sử dụng nước dưới đất để phục vụ sản xuất (làm đá lạnh để phục vụ đông lạnh) với mức thuế suất 8%, giá tính thuế đơn vị tài nguyên là 5.000 VND/m³ tại tỉnh Khánh Hòa; tại tỉnh Kiên Giang giá tính thuế là 6.000 VND/m³; tại tỉnh Bạc Liêu giá tính thuế là 3.000 VND/m³.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương còn phải trả người lao động.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay phải trả	730.234.709	824.399.724
Chi phí hoa hồng môi giới	3.386.353.503	3.329.465.138
Chi phí phải trả khác	2.431.951.083	2.651.035.173
Cộng	6.548.539.295	6.804.900.035

18. Phải trả ngắn hạn/ dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	1.500.317.375	13.759.437.375
Ông Ngô Văn Ích (Giám đốc) – Vốn điều lệ góp vượt	1.500.000.000	-
Ông Ngô Văn Ích (Giám đốc) - Cổ tức phải trả	-	13.582.240.000
Ông Huỳnh Long Quân - Cổ tức phải trả	-	176.880.000
Thủ lao Hội đồng quản trị	317.375	317.375
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.577.501.019	8.760.943.297
Kinh phí công đoàn	4.281.007.363	4.450.140.089
Cổ tức phải trả	-	176.880.000
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	19.279.485	19.279.485
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	360.283.475	360.283.475
Các khoản phải trả khác	916.930.696	3.754.360.248
Cộng	7.077.818.394	22.520.380.672

18b. Phải trả dài hạn khác

Số đầu năm là khoản phải trả cho Ông Ngô Văn Ích (Giám đốc) về vốn điều lệ góp vượt.

18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱ⁾	296.084.028.550	452.340.406.410
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa ⁽ⁱⁱ⁾	311.205.853.950	234.207.082.255
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang ⁽ⁱⁱⁱ⁾	96.060.875.625	98.450.380.935
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang ^(iv)	17.502.171.924	9.178.540.400
Cộng	720.852.930.049	794.176.410.000

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Số dư cuối năm là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa tại từng Công ty trong Tập đoàn như sau:

- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ kinh doanh xuất khẩu thủy sản. Thời hạn vay dưới 01 năm, lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là toàn bộ công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, truyền dẫn thuộc quyền sở hữu của Công ty tại số 01 Phước Long - Phường Phước Long, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của Công ty tại Ngân hàng; các khoản thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa Công ty và đối tác khác mà Công ty là người thụ hưởng với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ; hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- Khoản vay tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT để bổ sung vốn lưu động với hạn mức dư nợ tối đa là 120.000.000.000 VND, lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số công trình nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất, phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý thuộc quyền sở hữu của bên vay tại Khu cảng cá Tắc Cậu - ấp Minh Phong - xã Bình An - huyện Châu Thành - tỉnh Kiên Giang theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 03/2011/HĐTC ngày 16/11/2011 và các hợp đồng thế chấp tài sản số 04/2011/HĐTC ngày 16/11/2011, số 03/2015/2902985/HĐBĐ ngày 06/04/2015, số 01/2015/2902985/HĐBĐ ngày 12/10/2015.

(ii) Khoản vay tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để mua nguyên liệu và các chi phí phục vụ chế biến thủy sản xuất khẩu. Thời hạn theo từng giấy nhận nợ tối đa là 06 tháng, lãi suất vay theo lãi suất thị trường. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại 58B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (một phần thửa đất số 188, tờ bản đồ số 39), toàn bộ quyền sử dụng đất tại 309 Đường 2/4 - Vĩnh Phước, toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại Trụ sở chính 56B Đường 2/4 - Vĩnh Hải (thửa đất số 176, tờ bản đồ số 58), Nhà hàng Seafoods số 46 Nguyễn Thị Minh Khai- Lộc Thọ, Nhà số 71 Phan Bội Châu- Xương Huân, Phân xưởng 310 Đường 2/4- Vĩnh Phước, Nhà số 05 Sinh Trung - Vạn Thạnh. Ngoài ra, Công ty còn dùng toàn bộ cổ phần của Công ty Cổ phần Nha Trang Seafood - F17 tại Công ty Cổ phần Thủy sản NT và Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF, toàn bộ máy móc thiết bị sản xuất, thiết bị văn phòng, thiết bị truyền dẫn, phương tiện vận tải, hàng tồn kho để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (iii) Khoản vay chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại mọi thời điểm với giá trị tương ứng tỷ lệ tài trợ vốn của Ngân hàng trong tổng số vốn Công ty được tài trợ để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền vay.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương - CN Nha Trang tại Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F17 để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất vay theo lãi suất trên từng giấy nhận nợ, thời hạn vay không quá 6 tháng/giấy nhận nợ. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	794.176.410.000
Số tiền vay trong năm	2.565.776.899.070
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.196.836.401.824)
Đánh giá lại số dư cuối năm	9.548.776.660
Thoái vốn tại công ty con	(451.812.753.857)
Số cuối năm	<u>720.852.930.049</u>

19b. Vay dài hạn

Số cuối năm là khoản vay Công ty Cổ phần Green World Nha Trang (là bên liên quan) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 4,9%/năm, thời hạn vay 60 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Kỳ hạn thanh toán của khoản vay dài hạn là 5 năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh	24.000.000.000
Số cuối năm	<u>24.000.000.000</u>

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Thoái vốn tại công ty con</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	6.595.746.652	7.583.631.647	(2.149.445.000)	(3.610.850.391)	8.419.082.908
Quỹ phúc lợi	3.941.735.365	5.852.331.539	(1.420.461.300)	(1.115.729.728)	7.257.875.876
Cộng	<u>10.537.482.017</u>	<u>13.435.963.186</u>	<u>(3.569.906.300)</u>	<u>(4.726.580.119)</u>	<u>15.676.958.784</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.000.000.000	23.680.042.137	485.446.545.089	78.701.927.950	786.828.515.176
Góp vốn trong năm trước	-	-	-	96.500.000.000	96.500.000.000
Chia cổ tức, lợi nhuận năm trước	-	-	-	(13.936.000.000)	(13.936.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	26.946.291.907	12.948.817.096	39.895.109.003
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm trước	-	-	(9.791.568.700)	(86.857.143)	(9.878.425.843)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(1.864.663.519)	5.461.654.197	(3.596.990.678)	-
Số dư cuối năm trước	199.000.000.000	21.815.378.618	508.062.922.493	170.530.897.225	899.409.198.336
Số dư đầu năm nay	199.000.000.000	21.815.378.618	508.062.922.493	170.530.897.225	899.409.198.336
Góp vốn trong năm nay	-	-	-	28.000.000.000	28.000.000.000
Chia cổ tức từ lợi nhuận các năm trước	-	-	(19.927.769.000)	-	(19.927.769.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	24.870.414.401	23.024.859.950	47.895.274.351
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	(11.333.670.197)	(2.102.292.989)	(13.435.963.186)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu của cổ đông không kiểm soát	-	(174.755.100)	(407.276.322)	582.031.422	-
Thoái vốn tại công ty con	-	-	-	(174.017.600.326)	(174.017.600.326)
Số dư cuối năm nay	199.000.000.000	21.640.623.518	501.264.621.375	46.017.895.282	767.923.140.175

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các cổ đông đã góp đủ vốn điều lệ đăng ký là 199.000.000.000 VND, chi tiết theo cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Ngô Văn Ích	64.484.680.000	64.034.540.000
Ông Ngô Tuấn Kiệt	39.442.530.000	39.442.530.000
Bà Đào Thị Minh Hương	19.928.000.000	19.928.000.000
Các cổ đông khác	75.144.790.000	75.594.930.000
Cộng	199.000.000.000	199.000.000.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19.900.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	19.900.000	19.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.900.000	19.900.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã chi cổ tức từ lợi nhuận các năm trước cho các cổ đông với số tiền 19.927.769.000 VND theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 13/NQ-HĐQT ngày 12 tháng 01 năm 2021. Số cổ tức đã chi này nằm trong tổng mức chi trả cổ tức dự kiến trong năm 2021 là 15% vốn điều lệ theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 287/HĐQT-F17 ngày 19 tháng 6 năm 2021.

Ngoài ra, Công ty còn tạm trích quỹ khen thưởng từ 10% lợi nhuận năm nay theo Nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2021 số 149/NQ-HĐQT ngày 28 tháng 02 năm 2021 với số tiền 9.107.712.914 VND.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022 Hội đồng quản trị Tập đoàn đã thông qua Nghị quyết Hội đồng quản trị số 06/NQ-HĐQT và Thông báo chốt Danh sách chia cổ tức số 07/TB-HĐQT ngày 14/01/2022 về việc chia bổ sung cổ tức từ lợi nhuận các năm trước với số tiền 11.956.661.400 VND. Khoản cổ tức phải trả này chưa được ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền chỉ có 4.612.109,46 USD (số đầu năm là 5.530.472,02 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	1.953.038.494	1.360.266.194
Doanh thu thành phẩm chế biến thủy sản	2.559.420.740.713	2.325.453.177.297
Doanh thu nhà hàng và cung cấp dịch vụ	6.816.143.410	14.495.286.507
Cộng	2.568.189.922.617	2.341.308.729.998

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17		
Doanh thu bán thành phẩm	35.462.181	186.250.910
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF		
Doanh thu bán thành phẩm	21.818.182	17.280.000
Công ty Cổ phần Onsen		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	21.818.182	61.970.473
Doanh thu cho thuê nhân công	-	347.480.000
Doanh thu dịch vụ khác	95.641.418	19.634.999
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa		
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	30.000.000	27.272.727
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Doanh thu phí ủy thác xuất khẩu	1.641.945.125	4.377.246.500
Doanh thu cung cấp dịch vụ	20.451.119	265.335.809
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	14.472.036.310	17.932.189.258
Doanh thu bán hàng, bán vật tư	10.482.807.139	4.529.778.031
Doanh thu bán thành phẩm ủy thác xuất khẩu	33.038.825.385	884.736.000
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Doanh thu bán thành phẩm	-	15.535.000
Doanh thu dịch vụ khác	15.082.562	15.664.538

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	-	304.476.165
Hàng bán bị trả lại	4.379.561.115	2.008.721.200
Cộng	4.379.561.115	2.313.197.365

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	1.399.934.477	1.038.401.745
Giá vốn của thành phẩm thủy sản đã bán	2.300.105.470.313	2.121.074.120.792
Giá vốn nhà hàng và cung cấp dịch vụ	2.484.433.760	9.424.960.077
Cộng	2.303.989.838.550	2.131.537.482.614

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.940.000	35.925.678.056
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.462.684.679	5.303.258.853
Lãi trái phiếu	68.000.000	206.680.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	40.135.885.315	19.476.078.677
Chiết khấu thanh toán	54.503.000	-
Cộng	42.724.012.994	60.911.695.586

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.192.513.725	21.657.677.827
Lỗ thoái vốn tại công ty con	7.656.591.951	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	21.771.840.716	12.431.007.283
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	9.991.045.322	2.207.800.151
Tồn thất đầu tư	-	10.500.000.000
Chi phí khác	9.879	96.243
Cộng	58.612.001.593	46.796.581.504

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.047.382.911	10.106.682.666
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.404.719.724	2.452.803.398
Chi phí vận chuyển nội địa	15.116.582.228	11.419.399.506
Chi phí vận chuyển quốc tế	56.021.500.102	23.547.077.829
Chi phí hoa hồng môi giới	14.356.824.360	12.731.543.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.959.180.517	16.788.931.217
Chi phí bằng tiền khác	5.268.720.900	11.588.698.865
Cộng	121.174.910.742	88.635.137.410

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.520.890.860	22.527.878.978
Chi phí vật liệu, dụng cụ	843.913.389	849.955.810
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.827.927.551	3.801.994.742
Thuế, phí và lệ phí	4.371.055.370	1.981.131.644
Chi phí pháp lý vụ kiện chống phá giá	1.761.657.856	1.621.410.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.092.966.347	1.005.136.074
Các chi phí khác	32.092.137.920	23.268.492.559
Cộng	68.510.549.293	55.055.999.807

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22.790.413	156.929.405
Thu nhập bán phế liệu, vật tư thu hồi	159.749.363	116.707.562
Tiền bồi thường	-	40.299.000
Các khoản thu nhập khác	179.182.094	275.909.933
Cộng	361.721.870	589.845.900

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Xử lý hàng hủy	20.509.863	414.005.529
Thuế bị phạt, thuế truy thu, tiền phạt	502.525.324	395.460.853
Xử lý chênh lệch kê khai thuế	-	2.573.515.157
Các chi phí khác	387.423.608	1.435.854.781
Cộng	910.458.795	4.818.836.320

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản lãi chưa thực hiện của các Công ty trong cùng Tập đoàn.

11. Lãi trên cổ phiếu**11a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	24.870.414.401	26.946.291.907
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.333.670.197)	(9.791.568.700)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	13.536.744.204	17.154.723.207
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	19.900.000	19.900.000
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	680	862

11b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.895.732.633.951	1.580.997.545.192
Chi phí nhân công	279.360.759.885	285.219.425.834
Chi phí khấu hao tài sản cố định	43.035.200.766	34.750.849.770
Chi phí dịch vụ mua ngoài	154.151.698.607	100.359.078.411
Chi phí khác	67.700.303.946	63.427.416.898
Cộng	2.439.980.597.155	2.064.754.316.105

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Các thành viên Ban điều hành		
Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	65.960.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương với tổng tiền lương trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Ngô Văn Ích - Giám đốc	574.301.000	657.161.000
Ông Huỳnh Long Quân – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Giám đốc	560.677.000	615.001.000
Bà Ngô Anh Phương Lan - Ủy viên HĐQT	226.230.000	243.204.000
Ông Nguyễn Phi Thương - Thành viên ban kiểm soát	374.500.000	405.814.000
Ông Trần Đình Kháng - Thành viên ban kiểm soát	316.126.000	345.737.000
Cộng	2.051.834.000	2.266.917.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods -F.89	Công ty con cho đến ngày 30/12/2021 – Sau đó là công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Thực phẩm NTSF	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Onsen	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Yến Sào Khánh Hòa Nha Trang	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Green World Nha Trang		
Cổ tức được chia	-	1.271.156.000
Mua hàng hóa	-	3.647.623
Chi phí dịch vụ	641.413.641	16.745.453
Công ty cho vay tiền	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản NTSF		
Cổ tức được chia	-	34.288.632.000
Chuyển nhượng khoản đầu tư vào công ty con	37.000.000.000	-
Mua thành phẩm, nguyên liệu	42.778.194.915	64.582.069.600
Phí vận chuyển quốc tế, hoa hồng môi giới hàng ủy thác xuất khẩu Công ty chi hộ	757.551.001	176.448.340
Phải trả phí hoa hồng môi giới	65.212.056	23.229.000
Chi phí thuê xe	-	228.600.000
Chi phí ủy thác xuất khẩu	197.402.892	5.297.587
Chi phí nhân công	224.768.000	387.380.000
Mua vật tư	975.644.000	1.388.717.764
Công ty Cổ phần Du lịch - Khoáng nóng Nha Trang Seafoods F17		
Mua hàng hóa, dịch vụ	683.122.341	1.738.907.264
Mua sắm tài sản cố định	170.000.000	1.080.000.000
Công ty Cổ phần Onsen		
Chi phí mua nước uống đóng chai	229.453.633	477.211.416
Mua hàng hóa	120.356.591	51.382.500

CÔNG TY CỔ PHẦN NHA TRANG SEAFOODS – F17

Địa chỉ: Số 58B Đường 2/4, Phường Vĩnh Hải, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Yến Sào Nha Trang Khánh Hòa		
Mua hàng hóa	26.940.910	23.672.727
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Nha Trang Seafoods		
Công ty góp vốn điều lệ	-	10.000.000
Công ty Cổ phần Nha Trang Seafoods - F.394		
Nhận lại phần vốn góp	20.000.000	-
Cổ tức được chia	2.940.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a; V.13, V.18 và V.19b.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất chế biến thủy hải sản trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nha Trang, ngày 31 tháng 3 năm 2022


Nguyễn Mạnh Tiến
Người lập


Nguyễn Dân Tiến
Kế toán trưởng


Ngô Văn Ich
Giám đốc

